

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
Y TẾ DANAMECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: ~~167~~ / CBTI-DNM

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 7 năm 2021



CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Mã chứng khoán: DNM

Trụ sở chính : 12 Trịnh Công Sơn, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại : 0236 3818478

Fax : 0236 3810004

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phan Thị Thanh Tài

Loại thông tin công bố: Bất thường

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ nghị quyết Số 133/NQ-ĐHĐCĐ-DNM ngày 10 tháng 06 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Tổng công ty Cổ phần Y tế DANAMECO (Tổng công ty), Tổng công ty đã tiến hành sửa đổi bổ sung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại đường dẫn www.danameco.com mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

PHAN THỊ THANH TÀI

QUYẾT ĐỊNH

V/v sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty
Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 129/TTr-HĐQT-DNM và Bản nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua vào ngày 10/06/2021.
- Căn cứ Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 133/NQ-ĐHĐCĐ-DNM được thông qua vào ngày 10/06/2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát gồm có **07 Chương 23 Điều** đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã ban hành cho đến thời điểm hiện tại.

Điều 3: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban điều hành;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, TK HĐQT.





**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
Y TẾ DANAMECO**

Đà Nẵng, 07/2021

M.S.D.N: 0

MỤC LỤC

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	2
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG QUY CHẾ	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	2
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông.....	3
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.	3
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	6
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến	6
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 7. Vai trò, Quyền và Nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	10
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị	13
Điều 10. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 11. Người phụ trách quản trị Công ty	13
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT	13
Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	13
Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát	13
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC	15
Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	15
Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc....	15
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	16
Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	16
Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc	16
Điều 18. Việc tiếp cận thông tin	17
Điều 19. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.....	17
Điều 20. Phối hợp giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	18
Điều 21. Khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác	18
CHƯƠNG VII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ	18
Điều 22. Bổ sung và sửa đổi Quy chế.....	18
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	18

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
DANAMECO**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Y tế DANAMECO;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 133/NQ-ĐHĐCĐ-DNM ngày 10 tháng 6 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG QUY CHẾ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Quy chế này được áp dụng cho các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “**Quy chế**” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**;
 - b. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- i. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- ii. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- iii. Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và những Người có liên quan;
- iv. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các Cổ đông;
- v. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Tổng Công ty.

c. “**Tổng Công ty**” là TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

d. “**Điều lệ Tổng Công ty**” là Điều lệ hiện hành của TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

e. “**Người điều hành doanh nghiệp**” hoặc “**Người điều hành**” là Tổng Giám đốc, Các Giám đốc và Kế toán trưởng;

f. “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020.

g. “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông.

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1, Điều 14, Điều Lệ Tổng Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng Cổ đông được quy định tại Điều 15, Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần y tế Danameco.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 14, Điều Lệ Tổng Công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký

cổ đông của Tổng Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá **10 (mười)** ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thời gian ngắn hơn được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người phụ trách quản lý Cổ đông tại Tổng Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Tổng Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (**20**) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (**21**) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội.

b. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

c. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Điều lệ Tổng Công ty

có quyền kiến nghị về vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Thủ tục thực hiện kiến nghị được quy định tại Khoản 4, 5 điều 18 Điều lệ Tổng Công ty.

6. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông

a. Quy định và thủ tục ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định tại Điều 16 Điều lệ Tổng Công ty.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông

a. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng Cổ đông được quy định tại Khoản 1, Điều 20 Điều lệ Tổng Công ty.

8. Điều kiện tiến hành

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (**51%**) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng **ba mươi (30)** phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng **sáu mươi (60)** ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (**33%**) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại điểm b Khoản 8 Điều này trong vòng ba mươi (**30**) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, người triệu tập cuộc họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được triệu tập trong vòng bốn mươi (**40**) ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ Tổng Công ty.

10. Cách thức bỏ phiếu

Cách thức bỏ phiếu được quy định tại Điều 20 Điều lệ Tổng Công ty và được quy định chi tiết tại Quy chế ứng cử - đề cử - bầu cử của Tổng Công ty.

11. Cách thức kiểm phiếu

Cách thức kiểm phiếu được quy định tại Điều 20 Điều lệ Tổng Công ty và được quy định chi tiết tại Quy chế ứng cử - đề cử - bầu cử của Tổng Công ty.

12. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua

Điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 1,2,3,4 Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được thông báo đến cổ đông tham dự trực tiếp ngay trong Đại hội.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (**90**) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của

Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ tổng công ty.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này

15. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định chi tiết tại Điều 23 Điều lệ Tổng Công ty.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Tổng Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được quy định tại Điều 22, Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

a. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

b. Yêu cầu kỹ thuật:

- Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

c. Cách thức thực hiện:

- Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định tại Khoản 2 Điều này để tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

2. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

a. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

b. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

c. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 4 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Quy định về ủy quyền trực tuyến

a. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Tổng Công ty.

b. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

c. Hiệu lực của ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

d. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

e. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

5. Cách thức bỏ phiếu điện tử

a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này.

c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu

cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ được quy định cụ thể tại quy chế làm việc tại Đại hội.

6. Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

7. Cách thức kiểm phiếu

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số tán thành, số không tán thành và số không ý kiến.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu được ghi nhận, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua

a. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

b. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử

a. Được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

b. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

c. Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Đại biểu nếu như nguyên nhân là do Đại biểu.

11. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;

- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

12. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

a. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác....

b. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 (sáu mươi) phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, Quyền và Nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Khoản 2,3,4 Điều 27 Điều lệ Tổng Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên hội đồng quản trị

Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội Đồng Quản Trị trong từng thời kỳ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm

và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị

a. Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành hoặc Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành hoặc độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

2. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị

Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị được quy định tại Khoản 2, 3 Điều 25 Điều lệ Tổng Công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên

Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Tổng Công ty.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định về công bố thông tin của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Tổng Công ty trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- i. Các thông tin khác (nếu có).

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng Quản trị

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 (mười)** ngày.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 10. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Các nội dung liên quan đến họp Hội đồng quản trị bao gồm thông báo họp, điều kiện tổ chức họp, cách thức biểu quyết, ghi biên bản họp, cách thức thông qua nghị quyết được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 11. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị Tổng Công ty

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

Người phụ trách quản trị Tổng Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm để hỗ trợ hoạt động của động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là **05 (năm)** năm.

3. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng Công ty tùy từng thời điểm.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty được công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán, và các quy định hiện hành.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty được quy định tại Khoản 4, Điều 32 Điều lệ Tổng Công ty.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Quyền và nghĩa vụ của ban kiểm soát được quy định tại Điều 39 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

- Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty là từ ba (03) đến (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong ba (03) năm liền trước đó

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

4. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Tổng Công ty.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế ứng cử - đề cử - bầu cử Tổng công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Kiểm soát viên được bầu của Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

a. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.

b. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.
2. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát
Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định về công bố thông tin của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát
Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 41 Điều lệ Tổng Công ty.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 4, Điều 35 Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá **05 (năm)** năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số Thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự hợp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc tuân thủ Luật doanh nghiệp và Luật Lao động

3. Bổ nhiệm, ký Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm **01 (một)** Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Việc bổ nhiệm và ký hợp đồng lao động tuân thủ Luật doanh nghiệp và Luật Lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Thông báo về miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định về công bố thông tin của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

5. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc được quy định tại Khoản 3,4 Điều 34 Điều lệ Tổng Công ty.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát:
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời gian gửi đến các Thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty;
 - c. Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty;
 - d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty.
2. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp với Hội đồng quản trị:
 - a. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà Kiểm soát viên quan tâm;
 - c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn **15 (mười lăm)** ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để trợ giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản trị Tổng Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản tới Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất **15 (mười lăm)** ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là **07 (bảy)** ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng **07 (bảy)** ngày làm việc.

Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn họp lý

theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

2. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người điều hành khác cung cấp các thông tin về hoạt động của Tổng Công ty. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty mà được Tổng Giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.

4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Điều 18. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Tổng Công ty, Ban kiểm soát có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Tổng Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Tổng Giám đốc;
- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 19. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc đề trợ giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Tổng Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

3. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ Tổng Công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng **48 (bốn mươi tám)** giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ

đồng đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

4. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Công ty trước ít nhất **48 (bốn mươi tám)** giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng Giám đốc phải được gửi trước ít nhất là **07 (bảy)** ngày làm việc và Tổng Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng **07 (bảy)** ngày làm việc.

Điều 20. Phối hợp giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn **07 (bảy)** ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

4. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành khác;

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là **07 (bảy)** ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng **07 (bảy)** ngày làm việc.

Điều 21. Khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người điều hành khác

Hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ

Điều 22. Bổ sung và sửa đổi Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Bản Quy chế này gồm **07** Chương **23** Điều được Đại hội đồng cổ đông **TỔNG CÔNG TY**

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO nhất trí thông qua ngày **10 tháng 6 năm 2021** tại Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế được lập thành **năm (05)** bản, có giá trị như nhau.
3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế Tổng Công ty có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo Pháp luật hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Thành viên Hội đồng quản trị.

**T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

